

# **XÂY DỰNG MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC THỂ TỤC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA DẠNG HÓA TÔN GIÁO: CÁI BẤT BIẾN VÀ CÁI KHẢ BIẾN - TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM**

**GS.TS. Đỗ Quang Hưng**

Viện Nghiên cứu Tôn giáo

## **Nhập đề**

Trong ngôn ngữ pháp lý cũng như trong đời sống xã hội ở nước ta, khái niệm *Nhà nước thể tục* còn chưa được phổ biến. Ngay cả trên phương tiện thông tin đại chúng cũng ít thấy cụm từ này. Nhưng trên thực tế trong việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo cũng như việc xây dựng nhà nước pháp quyền về mặt tôn giáo thì con đường xây dựng một *mô hình Nhà nước thể tục* thích hợp với Việt Nam cũng đã bắt đầu từ giữa thế kỷ XX. Đối chiếu với thực tiễn của nhiều nước Đông Nam Á, chúng tôi cũng thấy như vậy. Tác giả bài viết này ý thức một cách rõ rệt rằng, việc xây dựng mô hình Nhà nước thể tục ở các nước Âu - Mỹ đã có quá trình hàng trăm năm nay và được đánh giá như là một trong những thành tựu tư tưởng triết học, về tiến trình xã hội và luật pháp trong việc thực hiện tiến trình của *Tính hiện đại* (modernité). Ý nghĩa của sự việc rất quan trọng khi chúng ta đối chiếu việc xây dựng một thể chế tục hóa (Laïcité) trong quan hệ với "*tính hiện đại*". Theo quan điểm của giới nghiên cứu Âu - Mỹ thì ban đầu thể tục chỉ là sự chuyển giao tài sản của Giáo hội cho Nhà nước, nghĩa là chuyển vào tay thể tục, dần dần khái niệm *thể tục hóa* được dùng để mô tả sự tự chủ hóa của các hoạt động, các hình thức tư tưởng so với nền văn hóa truyền thống mà các giá trị Kitô giáo làm cơ sở.

Theo đó quá trình thể tục hóa liên quan đến sự giải phóng hữu hiệu mối quan hệ giữa con người với thế giới mà không bị các truyền thống tôn giáo kiềm chế. Kéo theo đó là việc thiết lập mối quan hệ về luật pháp trong đó Nhà nước hoàn toàn trung lập về mặt tôn giáo đồng thời dẫn đến sự hình thành một xã hội dân sự mà ở đó công dân được hưởng các quyền về luật pháp cá nhân cũng như được giải phóng một cách tương đối trong việc thực hành đời sống tôn giáo so với các học thuyết, giáo luật của tôn giáo đã được Giáo hội chế định.

Những ý nghĩa cơ bản nói trên của việc thế tục hóa có thể cho phép diễn tả các nét đặc trưng của *tính hiện đại* trong viễn cảnh của thế kỷ XXI vừa mới bắt đầu<sup>1</sup>.

Mặt khác những năm gần đây các học giả Âu - Mỹ cũng đã có những “tổng kết” các mô hình của nhà nước thế tục mà xem ra các học giả Pháp có những thành tựu rõ rệt và có độ ảnh hưởng đến nhiều nước khác.

Việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục những thập kỷ gần đây ngày càng trở nên phong phú sinh động khi đời sống tôn giáo thế giới đang đứng trước xu thế *Đa nguyên về tôn giáo* (pluralisme religieux). Thực tế khách quan này đã tạo nên những sức ép không nhỏ trong việc bổ sung, hoàn thiện các mô hình nhà nước thế tục thích hợp cho mỗi quốc gia, mỗi khu vực trên thế giới. Bởi vì, đa nguyên về tôn giáo không chỉ đòi hỏi ở việc xây dựng mô hình thể chế nhà nước thế tục mà còn thể hiện ở cấp độ văn hóa tinh thần. Các tôn giáo ngày nay đang đứng giữa tính logic của sự cá thể hóa đồng thời với một bên là logic của xu thế toàn cầu hóa tôn giáo.

Tuy thế chúng tôi nghĩ rằng vẫn có thể khẳng định được trong quá trình xây dựng mô hình nhà nước thế tục lâu dài ấy có những điểm chung có tính *nguyên tắc bất biến* và cũng có những điểm khác biệt, đôi khi là rất khác biệt giữa các mô hình nhà nước thế tục khác nhau và chúng ta có thể gọi đó là *cái khả biến* trong quá trình xây dựng mô hình các nhà nước thế tục cụ thể.

Trên mặt suy nghĩ chung đó, bài viết này của chúng tôi muốn khảo sát một trường hợp cụ thể đó là việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam từ giữa thế kỷ XX trở lại đây. Nghiên cứu này là một nghiên cứu trường hợp. Và như mọi “nghiên cứu trường hợp”, bao giờ nó cũng hướng tới một suy nghĩ có tính phương pháp luận chung: thống nhất trong sự đa dạng và đa dạng trên nền tảng của tính thống nhất.

## **1. Bước tiến triển của “mô hình nhà nước thế tục” ở Việt Nam diễn ra như thế nào?**

Chúng tôi cũng đã từng có lần đề cập đến một vấn đề có liên quan đến việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam trong bài viết có tên là *Vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo tiếp cận so sánh: trường hợp Việt Nam*<sup>2</sup>, trong đó chúng tôi mới đề cập đến một khía cạnh dù là căn bản của việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục, đó là việc công nhận các tổ chức tôn giáo như thế nào. Trong bài viết này chúng tôi muốn bắt đầu bằng việc đề cập những cơ sở lý thuyết của việc hình thành các mô hình *nhà nước thế tục*, trước hết là kinh nghiệm ở các nước Âu - Mỹ.

### *1. Cơ sở lý thuyết của việc lựa chọn*

---

<sup>1</sup> Về vấn đề “thế tục hóa” và “tính hiện đại”, có thể xem: J. P. Willaime, *Modernité et Religions*, Paris, 2006. Hoặc các tác phẩm của Martin E. Marty và R. Scott Appleby (Mỹ).

<sup>2</sup> Xem Đỗ Quang Hưng, *Vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo tiếp cận so sánh: Trường hợp Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Xã hội, số 50, tháng 5/2007.

Có thể nói việc giải quyết mối quan hệ Nhà nước và các Giáo hội đã được đặt ra trong các cuộc cách mạng tư sản ở Âu - Mỹ và được xem đó như một trong những biểu hiện của sự thực thi những tư tưởng dân chủ tư sản của các cuộc cách mạng này. Tuy vậy việc tìm kiếm mô hình “nhà nước thế tục” và đặc biệt sự thể chế hóa của luật pháp về tôn giáo là một quá trình lâu dài, ít nhất cũng đã hơn một thế kỷ nay.

Nói chung, sau hơn 100 năm xây dựng “nhà nước thế tục”, chẳng hạn ở Châu Âu người ta “tổng kết” có 4 mô hình khả thi (Modeles possibles) sau đây:

- *Thứ nhất*, mô hình *Tôn giáo - dân tộc* (Ethno - religion), mô hình mà nhà nước thế tục vẫn dựa vào một tôn giáo nhà nước, một tôn giáo chủ lưu có tính “quốc giáo”. Đây là trường hợp của các quốc gia mà tôn giáo ấy như sự viên dẫn của bản sắc dân tộc, đôi khi là một công cụ tư tưởng trong xung đột văn hóa, tôn giáo, sắc tộc. Đó là trường hợp của nhiều nước Bắc Âu (với đạo Tin Lành), Tây Âu (với Công giáo), Hy Lạp, Nga với Chính Thống giáo...

- *Thứ hai*, mô hình *tôn giáo dân sự* (Religion civile) là mô hình với những nước đã có quá trình thực thi chế độ tự do tôn giáo về mặt pháp lý, trong đó sự tuyên xưng của mỗi cá nhân về tôn giáo ăn khớp với vị thế dân sự và quyền tự do tôn giáo. Đó là trường hợp của những nước như Mỹ, Pháp, Đức với một số quốc gia Công giáo khác ở Tây Âu, những nước có Tin Lành Luther rõ nét, Anh giáo...

- *Thứ ba*, mô hình *ưu tiên cho sự đa dạng* (Pluralisme religieux), giành cho những nước mà thể chế thế tục đi liền với việc xác định các “tôn giáo được thừa nhận”.

- *Thứ tư*, mô hình *thể chế thế tục trung lập* (L’Etat Laique), mô hình giành cho những nước thực hiện nguyên lý thế tục triệt để nghĩa là nhà nước không công nhận bất cứ một tôn giáo nào, các tôn giáo đều bình đẳng và thực thi nguyên lý thế tục trước nhà nước<sup>3</sup>.

Trên cơ sở những “mô hình khả thi” ấy, luật pháp tôn giáo ở Châu Âu những thập kỷ gần đây đã tiến tới việc xác định những mô hình cụ thể của việc công nhận các tổ chức tôn giáo. Trong đó tiêu biểu nhất là công trình nghiên cứu, tổng kết của F. Messner. Theo ông mô hình công nhận các tổ chức tôn giáo của nhà nước thế tục ở Châu Âu có ba loại: *loại thứ nhất*, công nhận theo *thể thức thỏa ước* (Concordataire) giành cho những nước có một tôn giáo chủ lưu; *loại thứ hai*, công nhận các tôn giáo có lựa chọn, đồng thời tôn trọng các tôn giáo khác (ưu tiên cho sự đa dạng); *loại thứ ba*, mô hình *thể chế thế tục trung lập* (Laicité)<sup>4</sup>.

---

<sup>3</sup> Xem J. Bauberot, *Laicité et sécularisation dans la crise de la modernité en Europe*, La documentation Française, N<sup>o</sup> 273, tháng 10/1995.

<sup>4</sup> F. Messner đưa ra 3 mô hình nhà nước thế tục sau đây: Mô hình (1), mô hình *thỏa ước* (Concordataire) dành cho các quốc gia có tôn giáo giữ vị trí đa số. Mô hình (2) dành cho sự đa dạng tôn giáo, nhà nước thừa nhận một số tôn giáo có chọn lọc. Đồng thời tôn trọng các tôn giáo khác. Mô hình (3), mô hình thể chế thế tục trung lập (Laicité), trong đó nhà nước không “công nhận” bất cứ tôn giáo nào, mọi tôn giáo đều phải thực hiện “nguyên lý thế tục” trước nhà nước (Xem: B. Basdevant - Gaudemet et Francis Messner. *Les origines historiques du Statut des Confessions religieuses dans les pays de l’Union Européenne*. Pù, Paris, 1999). Đặc biệt cuốn: Francis Messner, P.H. Prélot, J.M Woehrling, *Traité de droit français des religions*. Ed. Litec. Paris, 2003.

Ở Việt Nam, chưa bao giờ thấy có sự tranh luận về học thuật trước hết là ngôn ngữ luật pháp về việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục. Nhưng trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từ sau năm 1954 ở Miền Bắc, rất “tự nhiên” đã có sự lựa chọn mô hình nhà nước thế tục. Trong 4 mô hình nói trên chúng ta nhận thấy, từ phương diện tôn giáo cũng như phương diện quan hệ nhà nước với các tổ chức giáo hội ở nước ta trong lịch sử cũng như hiện tại, các mô hình thứ nhất, thứ hai và thứ tư đều không thích hợp với nước ta. Chỉ có mô hình thứ ba, mô hình *ưu tiên cho sự đa dạng tôn giáo* là thích hợp đối với nước ta. Phần tiếp theo sẽ làm rõ nhận định này.

## *2 Thời điểm ra đời mô hình “nhà nước thế tục” ở nước ta:*

Tôi vẫn nghĩ rằng mặc dù nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời từ sau thắng lợi của cuộc *Cách mạng Tháng Tám* (tháng 9 - 1945), và trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), chính phủ Việt Nam đã ban bố những sắc lệnh đầu tiên về quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng của công dân, sự bình đẳng giữa các tôn giáo ... Nhưng trong quãng thời gian đó vấn đề “nhà nước thế tục” chưa thể được đặt ra.

Tôi muốn khẳng định thêm: “có thể nói với *Sắc lệnh số 234 - SL*, ngày 14/6/1955 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ở Hà Nội, thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực sự đã đặt cơ sở nền móng xây dựng mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam”<sup>5</sup>.

Bản sắc lệnh trên ra đời trong hoàn cảnh sau Hiệp định Giơ - ne - vơ (tháng 7/1954) và Miền Bắc vừa được giải phóng, bắt đầu bước vào thời kỳ cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mọi chính sách của chính phủ trong thời điểm đó đều hướng tới việc xây dựng CNXH ở Miền Bắc và hướng tới đấu tranh thống nhất Tổ quốc.

Về mặt đời sống tôn giáo, Nhà nước có một thuận lợi căn bản trong việc giải quyết mối quan hệ với các tổ chức tôn giáo là uy tín to lớn của mình, của tư tưởng Hồ Chí Minh, của những thắng lợi vang dội trong kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm. Nhưng mặt khác cũng phải thấy rằng kể từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 về luật pháp tôn giáo lộ trình ấy mới chỉ bắt đầu.

Cần nói thêm rằng, đại thể tình hình các tôn giáo ở Miền Bắc Việt Nam lúc đó là: bên cạnh hai tôn giáo chính khá đông đảo so với tỉ lệ dân số là Phật giáo và Công giáo còn có sự hiện diện của cộng đồng Tin Lành nhỏ bé, của một số ít tín hữu Cao Đài và một nhóm tín đồ nhỏ bé Hồi giáo. Cái đặc biệt của *Sắc lệnh 234 - SL* và một số văn bản tiếp theo do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Phó Thủ tướng Phan Kế Toại... ký đã thể hiện rõ sự lựa chọn Mô hình Nhà nước thế tục của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Do nắm chắc tình hình và đặc điểm đời sống tôn giáo ở Miền Bắc Việt Nam, *Sắc lệnh 234 - SL* đã có định hướng đúng một cách rất trực giác: *lựa chọn mô hình 3*, mô hình *ưu tiên cho sự đa dạng tôn giáo*. Mô hình này dần dần sẽ được cụ thể hóa theo phương thức cụ

---

<sup>5</sup> Xem Đỗ Quang Hưng, *Vấn đề công nhận ...*, bđd.

thể sau đây: các tôn giáo được công nhận một cách có chọn lọc, đồng thời Nhà nước tôn trọng các tôn giáo khác.

Lẽ dĩ nhiên đây là cả một quá trình lâu dài. Chúng ta cũng biết rằng ở nhiều nước Châu Âu việc chuyển từ các *mô hình khả thi* sang các mô hình thực tế ở Châu lục này cũng diễn ra trong suốt thế kỷ XX. Thời điểm ra đời Sắc lệnh chắc chắn mới chỉ có những định hướng cho mô hình nhà nước thế tục nói trên ở Miền Bắc nước ta. Nhưng vẫn có thể khẳng định tính thích hợp của nó với điều kiện đời sống tôn giáo cũng như điều kiện chính trị, xã hội và văn hóa của Việt Nam. Một số thành tựu của Châu Âu trong việc xây dựng mô hình *nhà nước thế tục* đến thời điểm đó cũng đã được phản ánh rõ trong sắc lệnh này.

Rõ ràng nhiệm vụ đầu tiên của việc thiết lập mô hình nhà nước thế tục là việc công nhận các tổ chức tôn giáo, nhiệm vụ này kéo dài suốt từ khi có sắc lệnh 234 - SL nói trên đến tận những năm gần đây.

Chúng ta biết rằng kinh nghiệm luật pháp của Châu Âu trong việc công nhận các tổ chức tôn giáo theo ba hình thức sau đây: *thứ nhất*, công nhận bằng các *quy tắc hiến định* (la reconnaissance constitutionnelle de l'autonomie); *thứ hai*, công nhận bằng các *thỏa thuận quốc tế* (concordataire); *thứ ba*, công nhận bằng *con đường đăng ký*. Vấn đề công nhận các tổ chức tôn giáo hay tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo là vấn đề quan trọng bậc nhất cho việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục. Ở Châu Âu mỗi quốc gia thường lựa chọn một trong ba phương thức trên. Nhìn một cách tổng quan, qua thực tiễn đời sống tôn giáo ở Việt Nam từ 1955, đặc biệt từ sau khi đất nước thống nhất từ 1975 đến nay, có thể thấy rằng, *con đường đăng ký* của các tổ chức tôn giáo với Việt Nam là thích hợp, để xây dựng mô hình nhà nước thế tục nói trên.

Tuy vậy chúng tôi cũng muốn bổ sung thêm nhận xét rằng, trong những năm đầu tiên sau khi ban bố Sắc lệnh 234 - SL trong việc công nhận các tổ chức tôn giáo ở Miền Bắc Việt Nam lúc đó, với một số tôn giáo việc công nhận đã có sự kết hợp giữa “con đường đăng ký” với việc công nhận theo *thỏa thuận quốc tế*. Chẳng hạn với Giáo hội Công giáo Việt Nam (Miền Bắc) lúc đó. Năm 1957 trong khung cảnh đó Chính phủ Việt Nam DCCCH đã công nhận tư cách pháp nhân cho Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc). Năm 1958 Phó Thủ tướng Phan Kế Toại cũng ký văn bản công nhận tổ chức *Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam* và sau này vào năm 1981, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản công nhận tổ chức *Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, đại diện cho cộng đồng Phật giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Do những điều kiện đặc biệt của lịch sử Việt Nam một thời gian dài việc công nhận tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo tiến hành tương đối chậm và không đồng nhất cho mỗi tôn giáo chủ yếu vì lý do khách quan. Trước năm 2005 nghĩa là trước khi công bố *Chỉ thị 01 của Chính phủ về vấn đề đạo Tin Lành* mới có 16 tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân chủ yếu thuộc 6 tôn giáo chính, bao gồm: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Giám mục đại diện cho Giáo hội Công giáo Việt Nam, Hội Thánh Tin Lành

Việt Nam (Miền Bắc), Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), 10 tổ chức Cao Đài, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo TP. Hồ Chí Minh.

Có ba đặc điểm của quá trình công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo ở nước ta lúc đó.

*Đặc điểm thứ nhất*, nhìn chung chúng ta đã áp dụng lối công nhận “trộn gói”, nghĩa là Nhà nước công nhận một tổ chức tiêu biểu nhất cho mỗi Giáo hội, Hội thánh. Thí dụ với Giáo hội Công giáo Việt Nam là việc công nhận Hội đồng Giám mục Việt Nam (1980); Với Phật giáo là việc công nhận tổ chức *Giáo hội Phật giáo Việt Nam* (1981). Việc công nhận này có thể chưa bao chứa hết thái độ pháp lý đối với rất nhiều các tổ chức trong “cơ thể” của các tôn giáo đó như các dòng tu, hội đoàn, Gia đình Phật tử...

*Thứ hai*, khoảng cách công nhận các tổ chức tôn giáo trong cùng một tôn giáo đôi khi rất xa nhau (như trường hợp 2 tổ chức tôn giáo cùng một nguồn gốc của Hội thánh Tin Lành Việt Nam). Đặc điểm này chủ yếu do hoàn cảnh lịch sử.

*Thứ ba*, trong quá trình công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo thường kết hợp hai khái niệm pháp lý: *tư cách pháp nhân* (Le personne morale) và *tư cách thể nhân* (Le personne physique). Với rất nhiều tôn giáo ở Việt Nam, mặc dù chưa có tư cách pháp nhân nhưng họ vẫn sử dụng tư cách thể nhân để hoạt động tôn giáo khá bình thường.

Việc hoàn thiện mô hình *nhà nước thế tục* ở nước ta như chúng tôi đã phân tích diễn ra mạnh mẽ tích cực trong những năm đổi mới đường lối chính sách tôn giáo kể từ 1990 trở lại đây. Mặc dù chúng ta lựa chọn mô hình *ưu tiên cho sự đa dạng*, nhưng trên thực tế trước năm 2005 việc công nhận pháp nhân chỉ “*đóng khung*” trong 6 tôn giáo chính nói trên. Thực ra ngay với 6 tôn giáo này cũng không phải đã hoàn tất về phương diện pháp lý đặc biệt đối với trường hợp các hệ phái của đạo Tin Lành (hàng chục hệ phái Tin Lành ở nước ta trước năm 2005 chủ yếu tồn tại với *tư cách thể nhân*, trừ hệ phái “Tin Lành chính thống” (CMA). Nhằm khắc phục “*món nợ về pháp lý*” hay nói cách khác việc hoàn thiện mô hình *nhà nước thế tục* nói trên, Nhà nước còn phải “*tôn trọng*” các tôn giáo khác.

Việc ban hành *Chỉ thị 01* của Chính phủ đầu năm 2005 nói trên thực sự là một bước ngoặt của việc hoàn thiện mô hình *nhà nước thế tục* ở nước ta. Nhà nước không chỉ thể hiện thái độ pháp lý giải quyết “trộn gói” bằng việc lần lượt xem xét *cho đăng ký* và tiến tới cấp *tư cách pháp nhân* cho tất cả các hệ phái Tin Lành (khi đáp ứng đủ các điều kiện pháp lý), mà còn gián tiếp đặt vấn đề công nhận cho hàng loạt các tổ chức tôn giáo khác. Đây là những tổ chức tôn giáo thuộc “*các nhóm nhỏ*” trong ngôn ngữ luật pháp của Âu - Mỹ người ta thường coi các tôn giáo đó là “*tôn giáo bên lề*”.

Cho đến những ngày gần đây, hàng loạt tổ chức tôn giáo khác đã được công nhận theo phương thức nói trên theo tinh thần của *Chỉ thị 01* (4/2/2005). Đó là các tổ chức tôn giáo thuộc “gia đình” đạo Tin Lành và các nhóm tôn giáo chủ yếu ở các tỉnh phía Nam: Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam, Tổng hội Báp - tít Việt Nam (Ân điển - Nam phương), Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Tứ ân Hiếu nghĩa,

đạo Baha'i. Bản danh sách này còn được kéo dài với những cái tên của các giáo phái vốn rất "đặc biệt" như: Tin Lành Ngũ tuần, Chứng nhân Jehovah...

## 2. "Cái bất biến" của mô hình Nhà nước thế tục (L'Etat Séculaire)

Nói chung thì việc xây dựng mô hình nhà nước thế tục dù ở đâu cũng đều xoay quanh 3 chân đế: sự "phân ly" giữa quyền lực chính trị của Nhà nước với tôn giáo; sự tôn trọng tự do ý thức và tôn giáo và sự bình đẳng giữa các tôn giáo khác nhau trên phương diện pháp lý và trong đời sống xã hội.

Nói một cách cụ thể hơn trong việc xây dựng mô hình *nhà nước thế tục*, mối quan hệ Nhà nước và các Giáo hội tôn giáo tùy thuộc chủ yếu vào 3 lĩnh vực. *Thứ nhất*, việc công nhận tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo; *thứ hai*, việc sử dụng tài sản tôn giáo cho các mục đích tôn giáo và xã hội; *thứ ba*, sự hiện diện của các trật tự tôn giáo trong hệ thống công quyền của Nhà nước.

*Cái bất biến* của mô hình *nhà nước thế tục* chủ yếu xoay quanh 3 lĩnh vực nói trên. Dưới đây, chúng tôi nêu một vài nhận xét về cái bất biến đó ở Việt Nam.

### 1. Các điều khoản chung về quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng

Sắc lệnh 234 - SL đã thể hiện những điều khoản chung này một cách khá đặc biệt trong *Chương I: Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng*

"Điều 1:

- Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mỗi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào."

Sau này, khái niệm *tự do tôn giáo* còn được thể chế hóa trong hàng loạt văn bản pháp lý tiếp theo từ Hiến pháp đến các Nghị định, Pháp lệnh về tôn giáo. Đó là các quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng trên cả ba khâu: theo đạo (tuyên xưng Đức tin), hành đạo và tự do thể hiện Đức tin. Trong những văn bản pháp lý gần đây cũng dần dần đề cập đến những vấn đề đổi đạo, cải đạo (convertir)...

Tuy chưa toàn diện nhưng Sắc lệnh 234 - SL cũng đã có những điều khoản phản ánh mối quan hệ có tính nguyên tắc giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo như *Điều 13*:

" - Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo.

Riêng về Công giáo, quan hệ về tôn giáo giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa Thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo” (*Chương 4: Quan hệ giữa chính quyền nhân dân và các tôn giáo*)<sup>6</sup>.

## 2. Các điều khoản phân tách giữa chính trị và tôn giáo.

Với nhiều quốc gia, đây là công việc khó khăn, phức tạp và lâu dài.

Pháp và Mỹ là những thí dụ tiêu biểu cho quá trình này. Mặc dù tính chất thế tục phi tôn giáo của nhà nước là điều được khẳng định ở Mỹ ngay từ buổi đầu lập nước, nhưng trong *Tuyên ngôn độc lập* (1776) vẫn có dòng chữ: “mọi người sinh ra đều bình đẳng, họ đều được Đấng sáng thế cấp những quyền lợi không thể bác bỏ được”. Như vậy thiết chế chính trị của Hoa Kỳ vẫn dựa trên những giá trị tinh thần và văn hóa của Kitô giáo. Điều này lại cũng diễn ra ở một số nước lân bang. Trường hợp Philippines là ví dụ nổi bật. Được coi là nước lựa chọn mô hình *nửa thế tục, cận thế tục* (the quasi - secular state), các bản Hiến pháp của nước này 1935, 1973 có lối diễn đạt tương tự Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ khi họ sử dụng khái niệm “*sự quan phòng của Thánh linh*” (Divine Providence) hoặc “*Thượng đế toàn năng*”<sup>7</sup>.

Trường hợp nước Pháp, ngay từ đầu tỏ rõ tính thế tục phi tôn giáo triệt để hơn. Trong *Tuyên ngôn về quyền Quản lý và Công dân* năm 1784 của Pháp thì quyền con người lại không xuất phát từ Chúa Trời! Lý do của sự khác biệt này là ở chỗ, vì ở nước Mỹ vốn có nhiều giáo phái tôn giáo, do đó khi nói Chúa Trời tạo ra quyền con người cũng có nghĩa là *không hề cung cấp quyền lực* cho bất kỳ Giáo hội riêng nào. Trái lại, ở Pháp năm 1789, sau việc bác bỏ quyết nghị Nantes ngăn cấm đạo Tin Lành thì Giáo hội Công giáo lại có vị thế độc quyền về tôn giáo. Nếu như Chúa Trời được thừa nhận là tác giả của các quyền con người thì Giáo hội Công giáo được thừa nhận là có quyền thuyết minh cho các quyền lợi ấy và qua đó nó sẽ chi phối đạo đức công dân, tinh thần dân chủ của pháp luật<sup>8</sup>. Sau này, Hiến pháp 1953 của nước Pháp đã khẳng định rõ: “nước Pháp là một nước Cộng hòa thế tục” (L’Etat Republique Laique).

Việc phân tách tôn giáo và chính trị ở Pháp theo đó cũng là một quá trình lâu dài, phản ánh những đấu tranh giai cấp, xã hội và tôn giáo ở nước này. Theo ý kiến của J. P. Willaime thì quá trình ấy “mang đậm nét dấu ấn lịch sử với những đặc thù rất Pháp”:

- *Thứ nhất*, từ Cách mạng Pháp và trong suốt thế kỷ XIX. XX luôn tồn tại mâu thuẫn xung đột giữa Giáo hội và Nhà nước, tạo ra sự chia rẽ sâu sắc, dai dẳng.

---

<sup>6</sup> Sắc lệnh 234 - SL ngày 14/6/1955 của Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề tôn giáo, *Công báo Việt Nam* 1955.

<sup>7</sup> Xem M. Santamaria, Đại học Quốc gia Philippines, *Nhà nước cận thế tục: tìm hiểu vấn đề tôn giáo trong luật pháp, thực hành và phong tục của Philippines* (nguyên bản tiếng Anh), tham luận tại Hội thảo Quốc tế Tôn giáo và Pháp quyền ở Đông Nam Á, Hà Nội, tháng 9/2006.

<sup>8</sup> Hội Tam Điểm: France Maconnerie, một tổ chức theo kiểu Hội kín ở Pháp từ thế kỷ XVIII tồn tại cho đến nay, có xu hướng chống Công giáo.



- *Thứ hai*, sự phân tách ấy mang tính tư tưởng sâu sắc với các khái niệm triết học, chính trị phê phán tôn giáo (tư tưởng tự do, chủ nghĩa duy lý, Chủ nghĩa Mác và hội Tam Điểm (8)).

- *Thứ ba*, việc “tư nhân hóa tôn giáo” diễn ra ở Pháp mạnh mẽ hơn nhiều nước Châu Âu, khiến người dân rất ngại nói về tôn giáo riêng của mình<sup>9</sup>.

Nói những điều này để chúng ta khẳng định thêm ý nghĩa trọng đại của bộ *Luật Phân ly* (1905) của nước Pháp, mà thế giới đã bày tỏ sự quan tâm, ghi nhận những đóng góp lớn của nó nhân kỷ niệm 100 năm (2005) ra đời và cũng là dấu mốc quan trọng của việc xây dựng mô hình Nhà nước thế tục.

Với các xã hội ở Đông Á và Đông Nam Á dĩ nhiên có nhiều nét khác biệt. Nhưng chắc chắn rằng, “*cái bất biến*” của sự phân tách vẫn thể hiện, dù rằng với những sắc thái, cấp độ khác nhau.

Giáo sư M. Santamaria của Đại học Quốc gia Philippines đã không ngần ngại chỉ ra những hạn chế của mô hình nhà nước “cận thế tục” ở nước ông khi nhà nước quá nghiêng về Công giáo, “trú ái” với tôn giáo này đến mức có thể gọi Philippines là “nước Cộng hòa Công giáo”. Tất nhiên tác giả cũng khẳng định rằng việc phân tách quyền lực chính trị giữa Nhà nước và Giáo hội vẫn có những đảm bảo căn bản như việc cấm “thành lập các tổ chức tôn giáo với nhà nước” hoặc công nhận các quyền tự do thờ cúng hay thực hành tôn giáo...

Tác giả nhận định rất tinh tế về *tính cách nước đôi* (ambigute) của mô hình nhà nước thế tục ở Philippines: “Nếu chủ nghĩa thế tục được xem trong các khái niệm tuyệt đối, nghĩa là tình trạng rạch ròi là thế tục hoặc không thế tục, thì rõ ràng Philippines không phải là nước thế tục. Nhưng nếu khái niệm thế tục được hiểu một cách tương đối, thì Philippines vẫn là một nhà nước thế tục”<sup>10</sup>.

Ở Việt Nam vấn đề khác nhiều.

Là một nước vừa thuộc khu vực Đông Nam Á, lại vừa thuộc khu vực Đông Bắc Á, chịu ảnh hưởng sâu đậm của Văn minh chữ vuông của Trung Hoa, các nhà nước Phong kiến Việt Nam luôn *đứng trên* các tôn giáo và khá xa lạ với khái niệm có một *Tôn giáo Nhà nước* làm chỗ dựa. Mặt khác, các nhà nước phong kiến ở Việt Nam có thói quen *bảo trợ* các tôn giáo: cung ứng tiền bạc sửa chữa, xây cất chùa chiền, miếu mạo cho đến trợ cấp “lương” cho các giáo sĩ tiêu biểu nhất là của Phật giáo.

Vì thế, sự “phân tách” tôn giáo và chính trị ở Việt Nam thời hiện đại (từ 1945) trở lại đây cũng khá “dễ dàng”.

---

<sup>9</sup> Xem J. P. Willaime, *Tôn giáo và chính trị ở Pháp trong quá trình xây dựng Châu Âu*, Tham luận tại Hội nghị Khoa học *Tính đa dạng của đời sống tôn giáo Pháp - Việt*, tổ chức tại Hà Nội, tháng 9/2007.

<sup>10</sup> Xem: M. Santamaria, bđd.

Lời diễn tả của Luật pháp Việt Nam ở điểm này là: Nhà nước luôn chủ động khẳng định sự *bảo hộ* thậm chí “sự giúp đỡ” của mình, trên cơ sở Luật pháp, với mọi hoạt động tôn giáo, đặc biệt chú trọng sự bình đẳng giữa các tôn giáo và đoàn kết dân tộc - tôn giáo.

*Điều 15 của Sắc lệnh 234 - SL năm 1955 nói trên:*

“Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền Dân chủ Cộng hòa luôn luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện”.

*Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2004 của Việt Nam đã có sự diễn đạt đầy đủ hơn về quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng (phân biệt hai cộng đồng “công dân theo tín ngưỡng, tôn giáo” và “công dân không theo một tôn giáo nào”); nhấn mạnh các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật; đồng thời có những điều khoản khá đặc biệt: “chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và ý thức chấp hành pháp luật” (Điều 2).*

*3 Các điều khoản đảm bảo sự hài hòa không gian xã hội, đời sống tâm linh, tự do ý thức và tôn giáo.*

Thiết chế chính trị, hệ ý thức tư tưởng ở Việt Nam cũng có nhiều điểm khác biệt so với các nước bè bạn trong khu vực Đông Nam Á riêng việc hài hòa đời sống tâm linh tôn giáo trên quy mô quốc gia thì Việt Nam hôm nay được thừa hưởng một di sản quý của truyền thống dân tộc, đó là truyền thống *Tam giáo đồng nguyên*.

Trong việc thực thi quyền tự do tôn giáo, vấn đề tách biệt Nhà thờ khỏi Nhà nước là quan điểm cần được tôn trọng ở mọi xã hội thế tục và cũng là mối quan tâm cho hòa bình, công bằng, tự do và chất lượng sống. Một trong những người sáng lập ra lý thuyết tách quyền lực của tôn giáo ra khỏi quyền lực của Nhà nước là William Penn có nói rằng: vì tôn giáo cơ bản là vấn đề cá nhân con người nên Chính phủ cần có thái độ ủng hộ mọi tôn giáo hơn là chỉ ủng hộ một tôn giáo!

Có thể nói trong tất cả các văn bản liên quan đến luật pháp tôn giáo ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, khi đề cập đến những điều khoản quy định chung đều dựa trên hai nguyên tắc: đoàn kết dân tộc - tôn giáo và sự bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật theo đúng những kinh nghiệm chính trị mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn.

Thực ra trong quá khứ cũng có những trường hợp đặc biệt mà chúng tôi đã có dịp phân tích. Chẳng hạn như trường hợp Việt Nam dưới thời thuộc địa của chủ nghĩa Thực dân Pháp cũng đã có những văn bản thể hiện sự thiên lệch ưu ái của chính quyền đối với đạo Công giáo, sự kiềm chế với đạo Tin Lành, đạo Phật và một số tôn giáo khác. Tất nhiên chúng tôi không cho rằng hoàn toàn có sự đồng nhất giữa chính quyền thuộc địa với Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Hơn thế nữa, chúng tôi cũng nhận thấy là một nước *Cộng hòa thế tục*, nước Pháp phải thực hiện nghiêm ngặt những nguyên tắc của *Luật Phân ly* (1905). Một số Toàn quyền Pháp ở Đông Dương như De Lanessance, lại là người của *Hội Tam Điểm* còn có ý định xây dựng chế độ thuộc địa *theo lối đời* (calonisation laique).

Đặc biệt ở Miền Nam Việt Nam trong 21 năm chia cắt (1954 - 1975), chính quyền Sài Gòn dù là Đệ nhất Cộng hòa hay Đệ nhị Cộng hòa đều dựa trên nền tảng tư tưởng xã hội Công giáo và có tham vọng “Công giáo hóa” Miền Nam, chống Cộng sản đi liền với việc đàn áp quy phục các tôn giáo khác.

Trong *Hiến pháp Việt Nam* 1960 dưới thời Ngô Đình Diệm cũng in dấu một cách kín đáo ảnh hưởng của Công giáo trong phần *Mở đầu* của bản Hiến pháp này như sau:

“Tin tưởng ở sự trường tồn của nền văn minh Việt Nam, căn cứ trên nền tảng duy linh mà toàn dân đều có nhiệm vụ phát huy.

Tin tưởng ở giá trị siêu việt của con người mà sự phát triển tự do, điều hòa và đầy đủ trong cương vị cá nhân cũng như trong đời sống tập thể phải là mục đích của mọi hoạt động Quốc gia”

Trong điều khoản trực tiếp về tôn giáo, bản Hiến pháp này cũng chỉ có thể diễn đạt: “Mọi người dân đều có quyền tự do tín ngưỡng, tự do hành giáo, và tự do truyền giáo, miễn là sử dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục” (Điều 17)<sup>11</sup>.

Một khía cạnh quan trọng khác: về bản chất, nhà nước thế tục mácxít phi tôn giáo ở Việt Nam đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc đảm bảo căn tính một nhà nước mácxít vô thần với việc tôn trọng các hệ ý thức tôn giáo khác. Có thể nói chưa bao giờ trong các bản luật pháp tôn giáo ở Việt Nam hoặc Hiến pháp có điều khoản khẳng định “chủ nghĩa vô thần là hệ tư tưởng thống trị xã hội” như trong văn bản luật pháp của nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây. Chính thái độ mácxít phi tôn giáo đó của nhà nước lại cũng là một điều kiện để nhà nước có một thái độ khách quan, bình đẳng với mọi tôn giáo, kể cả trong điều kiện của xu hướng đa nguyên tôn giáo mạnh mẽ hiện nay. Tất nhiên chúng ta cũng không bỏ qua một lợi thế khách quan là ở Việt Nam hiện nay nói chung “xu hướng *tôn giáo đồng hành với dân tộc*” vẫn chế ngự, vai trò của chủ nghĩa dân tộc vẫn có vị trí lớn trong xã hội và mặt khác trên phương diện thần học cũng chưa thấy các xu hướng cực đoan tôn giáo xuất hiện như *chủ nghĩa Toàn thống* (Fundamentalisme), *chủ nghĩa Toàn thủ* (Intégrisme)<sup>12</sup>.

Nhiều giá trị của *cái bất biến* trong việc xây dựng và hoàn thiện mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam hiện nay, trong khung cảnh của sự nghiệp đổi mới đất nước đang tiếp tục được thể hiện một cách sinh động. Luật pháp tôn giáo ở nước ta cũng đang tiến tới hòa nhịp với lộ trình xây dựng nhà nước pháp quyền, theo đó trong một tương lai gần khi một xã hội dân sự hình thành thì chắc hẳn một *tôn giáo dân sự* cũng sẽ hình thành ở nước ta và khi đó, chắc chắn mô hình nhà nước thế tục sẽ được hoàn thiện theo những chiều kích mới.

### 3. “Cái khả biến” của mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam

---

<sup>11</sup> Xem: *Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1960*, xem *Niên lịch Công Đản 1960 - 1961*, NXB Công Đản, Sài Gòn, 1961.

<sup>12</sup> Đây là hai khuynh hướng thần học bảo thủ cực đoan trong nhiều tôn giáo lớn của thế giới, đặc biệt là trong Hồi giáo. Các khuynh hướng thần học này coi việc chống chủ nghĩa hiện đại và văn minh Phương Tây nhất là Mỹ là mục tiêu chủ yếu để giữ “bản sắc” tôn giáo của mình. Đây cũng là cơ sở thần học của chủ nghĩa khủng bố hiện nay.

## 1. Sự “trung lập” của nhà nước đến mức nào?

Nói chung các nhà nước thế tục dù theo mô hình nào nhà nước cũng phải giữ *thái độ trung lập khách quan*, bình đẳng với mọi tôn giáo nhưng đồng thời nhà nước phải tạo những điều kiện cho các tôn giáo hội nhập, đóng góp với xã hội như truyền thống của mỗi quan hệ Nhà nước với Giáo hội ở nước ta từ năm 1945 trở lại đây. Tất nhiên thái độ này xa lạ với khuynh hướng Nhà nước can thiệp vào nội bộ của các tôn giáo.

Xây dựng mô hình nhà nước thế tục, một “cái khả biến” khác ở Việt Nam là nhà nước cũng như cộng đồng những người không tôn giáo thường không có thái độ “trung lập” với các tôn giáo theo truyền thống của thể chế thế tục trung lập (Laicité).

Trong những trường hợp cụ thể, nhà nước không chỉ bảo hộ các pháp nhân tôn giáo mà còn hỗ trợ tạo thêm điều kiện vật chất, tinh thần, điều kiện pháp lý cho các tổ chức tôn giáo trong việc xây cất, sửa chữa các cơ sở thờ tự, đào tạo hệ thống chức sắc các tôn giáo cũng như các hoạt động tôn giáo khác.

Ở Việt Nam, vấn đề hoạt động kinh tế, đặc biệt là vấn đề thuế đối với các tôn giáo còn là vấn đề mới mẻ. Tuy thế ngay trong Sắc lệnh số 234 - SL năm 1955 đã có quy định:

“ - các tổ chức của các tôn giáo có tính chất kinh tế, văn hóa, xã hội đều được hoạt động sau khi đã xin phép chính quyền và được chính quyền chuẩn y chương trình, điều lệ.

Những tổ chức ấy được coi như những tổ chức của tư nhân và được pháp luật bảo hộ” (Điều 8).

Đặc biệt, đã có những điều khoản về ruộng đất và thuế liên quan đến Giáo hội: “Để đảm bảo việc thờ cúng của nhân dân và giúp đỡ các nhà tu hành, đối với phần ruộng đất mà nhà thờ, nhà chùa, thánh thất được sử dụng từ sau cải cách ruộng đất, Chính phủ sẽ chiếu cố và cho đóng thuế nông nghiệp theo mức nhẹ hơn” (Điều 12).

## 2. Các giáo hội và tăng lữ có thể hoạt động chính trị yêu nước?

Trong cộng đồng Công giáo Việt Nam đã hơn 50 năm nay xuất hiện một tổ chức yêu nước của những người Công giáo Việt Nam có tên là *Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam*. Hơn nửa thế kỷ đã qua đi với tổ chức này của người Công giáo, trong nỗ lực dân thân, đồng hành cùng dân tộc qua các giai đoạn cách mạng của đất nước, từ cách mạng dân tộc dân chủ đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Người ta còn có thể phải phân tích thêm nữa vai trò, vị trí “*Cầu nối*”, “*mối dây liên hệ*”, “*cây cầu*”... của tổ chức này giữa cộng đồng Dân Chúa trong Giáo hội Công giáo Việt Nam với Nhà nước và xã hội.

Nhưng cũng mới đây thôi, người viết bài này vẫn đọc những dòng sau đây trong một công trình của Claude Prudhomme và J. F. Zor. Hai tác giả này có nhận định rằng: *Việc*

*thành lập UBĐKCG ở Hà Nội có thể được coi như một giai đoạn mới của chính sách kiểm soát của Chính phủ và nhằm sáp nhập đạo Công giáo vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam<sup>13</sup>.*

Như vậy rõ ràng là vẫn tồn tại một cách nhìn không giống cách nhìn chung của đông đảo người dân Việt Nam dù có tôn giáo hay không tôn giáo. Hơn thế nữa vấn đề ở đây có sự khác biệt trong những yêu cầu của Giáo luật và quan điểm của Tòa Thánh Vatican về việc “các tu sĩ chức sắc không được can dự vào các hoạt động chính trị thế tục” với một bên là quan niệm thể hiện lòng yêu nước trong các hoạt động chính trị xã hội của đông đảo các tín đồ chức sắc tham gia Ủy ban này với tư cách một công dân đồng thời với tư cách một tín đồ Công giáo.

Theo luật pháp về tôn giáo và luật dân sự, các chức sắc tôn giáo cũng có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, có quyền ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng Nhân dân như mọi công dân khác. Hiện có 7 đại biểu Quốc hội Việt Nam và 1.171 đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp là chức sắc tôn giáo, đại diện cho hầu hết các tôn giáo chủ yếu ở Việt Nam.

Người ta vẫn có thể có cái nhìn khác nhau trước thực tiễn này của mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam trong khuôn khổ của vấn đề phân tách quyền lực tôn giáo và chính trị. Nhiều học giả ở các quốc gia Đông Nam Á cũng đã nói đến những điều nan giải như thế.

Riêng ở Việt Nam đã hình thành một quan niệm truyền thống: quyền lực chính trị của Nhà nước không hề mâu thuẫn và ngăn cản với những hoạt động biểu thị tính tích cực xã hội, tính đồng thuận xã hội, thậm chí những hoạt động chính trị cụ thể mang tính cách “chính trị yêu nước” của các tôn giáo hòa chung trong các tổ chức quần chúng rộng lớn, nhất là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

## **Kết luận**

Chúng tôi muốn đưa ra một số nhận xét bước đầu về những đặc điểm của mô hình nhà nước thế tục ở Việt Nam. Những đặc điểm đó có thể là:

1. Nhà nước thế tục ở Việt Nam có thể nói thực sự là *một nhà nước phi tôn giáo*, mácxít vô thần. Nhà nước ấy thực sự không dựa vào bất cứ một tôn giáo nào, hơn thế nữa luôn có thái độ khách quan đối xử bình đẳng với mọi tôn giáo trên nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc, hài hòa giữa các tôn giáo và coi trọng sự đồng thuận giữa các tôn giáo với dân tộc, các tôn giáo với chủ nghĩa xã hội. Trong quan hệ với các tổ chức Giáo hội, Nhà nước luôn luôn giữ vị trí người *bảo hộ* về pháp lý, người giúp đỡ tạo điều kiện cho các tôn giáo và các tín đồ của họ thực hiện được nghĩa vụ quyền lợi của người công dân và của người có tôn giáo. Tuy thực hiện những nguyên tắc phổ biến về *sự phân tách* giữa quyền lực Nhà nước

---

<sup>13</sup> Xem bài của hai tác giả này trong bộ Lịch sử Kitô giáo thế giới, tập 13, Paris, 2002, trang 666. Đỗ Quang Hưng, Những người Cộng sản Việt Nam với đường hướng “đồng hành cùng dân tộc” và Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, in trong Kỷ yếu tọa đàm khoa học Nửa thế kỷ người Công giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc, NXB Tôn giáo, Hà Nội năm 2005.

và quyền lực của các tổ chức tôn giáo, nhưng Nhà nước Việt Nam không có thái độ “*trung lập*” theo lối *thể chế thể tục trung lập* (Laïcité).

Cũng cần nói thêm rằng Nhà nước thể tục của chúng ta không áp đặt tư tưởng vô thần cho toàn xã hội cũng như trong quan hệ với các hệ ý thức tôn giáo. Ngược lại, chính thái độ mácxít vô thần đúng đắn tạo thêm vị thế khách quan cho Nhà nước thực hiện vai trò trung tâm đoàn kết hài hòa lợi ích của các tôn giáo với dân tộc.

2. Khâu then chốt trong việc lựa chọn mô hình nhà nước thể tục là lựa chọn một mô hình thích hợp trong việc thừa nhận các tổ chức tôn giáo. Ngay từ đầu với tầm nhìn của Hồ Chí Minh Nhà nước ta đã lựa chọn mô hình thích hợp nhất, đó là mô hình *ưu tiên cho sự đa dạng*, trong đó Nhà nước lựa chọn những tôn giáo tiêu biểu để trực tiếp quản lý, đồng thời tôn trọng các tôn giáo khác. Thực tiễn pháp lý mấy chục năm qua đã chứng minh tính đúng đắn của mô hình này, đặc biệt trong những năm gần đây. Từ chỗ việc công nhận các tổ chức tôn giáo chỉ bó hẹp trong 6 tôn giáo chủ yếu, hiện nay con số này đã lớn hơn nhiều, đáp ứng nhu cầu khách quan của sự biến chuyển của đời sống tâm linh, tôn giáo, đặc biệt là xu thế *đa dạng hóa tôn giáo* trong bối cảnh toàn cầu hóa tôn giáo hiện nay.

3. Khi thực hiện 3 nguyên tắc lớn, 3 “*chân đế*” của *học thuyết về nhà nước thể tục* - thành tựu to lớn của nhân loại 200 năm qua trong việc giải quyết mối quan hệ của nhà nước và Giáo hội - Nhà nước ta thông qua phương tiện luật pháp tôn giáo đã có những sáng tạo được xã hội và cộng đồng các tôn giáo đồng tình. Đó là việc luôn luôn tạo điều kiện để đồng bào, chức sắc các tôn giáo có thể và cần phải tham gia các hoạt động chính trị xã hội yêu nước, kể cả việc những đại biểu ưu tú của các tôn giáo có thể tham gia các cơ quan dân cử, tham gia Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như những thành viên tích cực của mọi tầng lớp xã hội. Tất cả đều dựa trên nguyên tắc đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, phát huy cao độ tính đồng thuận xã hội.

Phải chăng những đặc điểm trên của mô hình nhà nước thể tục là một trong những nhân tố tích cực góp phần quan trọng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo hôm qua và hôm nay của Đảng và Nhà nước ta?

# **BUILDING A SECULAR STATE MODEL IN THE DIVERSIFIED RELIGIOUS ENVIRONMENT: THE INVARIABLE AND THE VARIABLE - THE CASE OF VIETNAM**

**ĐỖ QUANG HƯNG\***

## **1. Introduction**

In legal language as well as in the social life, the expression of the secular state hasn't been popular. Even on the mass media it is the same. However, in fact, in dealing with the relationship between the State and religious organizations as well as building a jurisdictional state in aspect of religion, the way of building a secular state model conforming to Vietnam has also been started since the middle of the 20<sup>th</sup> century. Collating with the reality of many Southeast Asian countries, we also find like that. The author of this paper clearly conceives that building the Secular State model in European – American countries has got a process of hundred years now, and is assessed as one of the achievements of philosophical thought, for the social and legal process in performing the process of modernity. The meaning of this fact is very important when we collate the building of a secularized institution in relation with the “modernity”. In the viewpoint of the circle of European – American researchers, initially secularization was just the transfer of property from the Church to the State, that means transfer to the hand of the secular power, gradually the concept of secularization is used for describing the autonomy in operations, in the forms of thought in comparison with the traditional culture based on values of Christianity.

Based on that secularization is relevant to effective liberation of the relationship between man and the world without restraint by religious traditions. Bringing about that is the establishment of the legal relationship in the State that is completely neutral in aspect of religion, at the same time it results in forming a civil society where the citizens enjoy the legal right and are relatively liberated in forming their religious life in comparison with doctrines, religious rules the Church has institutionalized. The above basic meanings of secularization may allow describing distinctive feature of the modernity of the outlook of the 21<sup>st</sup> century that has just started.<sup>1</sup>

---

\*. Đỗ Quang Hưng is a professor at the Institute of Religious Studies, Vietnamese Academy of Social Sciences.

On the other hand, in the recent years European – American scholars also have got “reviews” of secular state models; it seems that French scholars have got distinct achievements and significant influence on many other countries.

Building secular State models in the recent decades increasingly becomes abundant, lively when the religious life of the world is in face of the tendency towards religious pluralism. This objective reality has created not small pressure in supplementing, improving secular State models conforming to each country, each region in the world.

However, we think that it is still possible to affirm that during the process of building this long standing secular State models, there are common points, invariable principles, and generally there are different points also, sometimes very different between different secular State models, and we can call this the variable during the process of building specific secular state models.

In this general thinking, through this paper, I want to survey a concrete case that is the building of a secular state model in Vietnam from the middle of the 20<sup>th</sup> century until recently. This small study is a case study. And like all “case studies”, it always orientates to our general methodological thinking that is unification in diversity and diversity in unification.

## **2. How is the Process of the Building of a “Secular State model” in Vietnam Taking place?**

I once discussed the issue which related to the building of a secular state model in Vietnam in my paper *The issue of recognition of religious organizations, approach and comparison: the case of Vietnam*<sup>2</sup>. In the paper, I had mentioned a basic aspect of building a secular state model that was how to recognize a religious organization. In this paper, I want to begin with theoretical foundations for the formation of secular state model. Firstly, it is the experience of European and American countries.

### Theory of the choice

It can be said that the resolution for the relationship between the state and churches had been questioned in bourgeois revolutions in Europe and America and it had been considered an expression of democratic bourgeois thoughts of these revolutions. However, the search for a model of “secular state” and especially the insitutionalization of law on religion is a long process, at least over last century.

Generally speaking, after 100 years of building “secular state”, for instance, in Europe, four possible models have been summarized as follow:



- Firstly, the model of ethno-religion. This is the model in which the secular state still relies on a state religion (a mainstream religion which is considered “national religion”). This is the case of nations which the state religion can represent for the nationalities, some times acts as an ideological tool in cultural, religious and racial conflicts. That are cases of many nations in North Europe (with Protestantism, Western Europe (with Catholicism) and Greece or Russia (with Orthodox).

- Secondly, the model of civil religion. This model can be found in nations where religious freedom is ensured legally. Here, each individual’s profession to religion is suitable with his or her civil position and the right to religious freedom. That are the cases of the U.S, France, Germany and some Catholic nations in West Europe, nations with visible Protestantism or Church of England, etc.

- Thirdly, model which gives favorable conditions for the religious pluralism. This model can be found in nations where secular institution goes hand in hand with the identification of “recognized religions”

- Fourthly, the model of a laic state. Here, the state is absolutely secular. The state recognizes no religions. All religions are equal and respect the principal of secularism before the state<sup>3</sup>.

Based on those “possible models”, religious laws in Europe in recent decades have come to the definition of specific models for recognition of religious organizations. The most typical work is the research by F. Messner. In his opinion, there are three categories of recognition of religious organization of secular states in Europe. First, the recognition according to concordat is applied in nations where there exist a mainstream religion; Second, the state selectively recognizes certain religions, and at the same time respects other religions (for religious pluralism); Third, the model of laic secular state<sup>4</sup>.

In Vietnam, there has not been any academic debate regarding law language of building the model of secular state. However, in reality of building the socialist state with rule of law from after 1954 in the Northern region, there existed accidentally the choice of a secular state. In above 4 models, from religious perspective as well as from the relationship between the state and churches in history and the present, the first, second or fourth models are all not suitable with Vietnam. Only the third model which gives favourable conditions for religious pluralism is appropriate for Vietnam. The next part will clarify this comment.

### The Time for the Introduction of the “Secular state” in Vietnam

I still think that although the Socialist Republic of Vietnam come into being after the victory of the August Revolution (in 9-1945), and during the war of resistance against French colonialists (1946-1954), Vietnamese Government issued first Decrees on the liberty

to embrace any religions and beliefs of the citizen, equality between religions, etc. However, during this period, the matter of “secular state” had been able to set up.

I want to emphasize more: “It can be said that with the Decree No. 234-SL, dated 14/6/1955 issued by President Hồ Chí Minh, signed in Hanoi, on behalf of the Government of the Democratic Republic of Vietnam, that actually set up the foundation for building a secular state model in Vietnam”<sup>5</sup>.

It should be further said that generally the situation of religious in the North of Vietnam at that time was that: besides the two main religious with crowded followers that were Buddhism and Catholicism, there were also the presence of the community of Protestantism, Caodai Sect and a small group of Islamic followers. The special of the Decree No. 234-SL and some following Documents issued by the Prime Minister Phạm Văn Đồng, Deputy Prime Minister Phan Kế Toại was clearly expressing the selection of Secular state model by President Hồ Chí Minh and the Government of the Democratic Republic of Vietnam. Due to the thorough understanding of situation and characteristics of religious life in the North of Vietnam, the Decree 234 SL had got the right orientation by intuition: The selection of the third model which gives favorable conditions for religious pluralism. This model was then step by step concretized according to this method: the state recognized religions selectively while respected other religions.

Apparently, this is a long process. We also know that in many European nations, the shift from possible models to practical models took place in this continent for the whole 20<sup>th</sup> century. When the Decree was issued, there must have been some orientation for the said-above secular state in the North. We, however, can still affirm its appropriateness with the practical conditions of the religious life as well as the situation of politics, culture and society of Vietnam. Some achievements in building the model of secular state of European countries at that time had been clearly reflected in this Decree.

Clearly, the first duty of the formation of the secular state model is the recognition of religious organizations. This duty lasted from the introduction of the Decree 234 SL until recent years.

We learn that Europe’s experience in lawful recognition of religious organizations follow these three methods: first, recognition by constitution of autonomy; second, recognition according to international concordats; and third, recognition by registration. The recognition of religious organizations or recognition of their juridical religious person is the most important point for the building of a secular state. In Europe, each nation often choose one of above-said three methods. On the whole, through the reality of religious life in Vietnam from 1955, especially after reunifying the motherland in 1975 until now, it can be seen that the road of registration of religious organizations with Vietnam is suitable most for building the secular state model mentioned above.

However, in this paper, I need to supplement opinions conforming to the historical reality: during the first years after issuing the Decree 234-SL, in recognizing

religious organizations in the North of Vietnam at that time, for some religious, their recognition has been associated between the mode of recognizing based on covenant regime “for instance, with the Catholic Church of Vietnam (the North) at that time, was also associated with “the road of registration”. In 1957, in this setting the Government of the Democratic Republic of Vietnam recognized status of juridical person for the Protestant Church of Vietnam (the northern region). In 1958, Deputy Prime Minister Phan Kế Toại also signed the document to recognize the United Buddhist Society of Vietnam, and later in 1981, the Government of the Socialist Republic of Vietnam issued document recognizing the Buddhist Sangha of Vietnam, represented for the Buddhist community of Vietnam at home and abroad.

Due to special conditions of Vietnamese history for a long time, recognizing status of juridical person for religious organizations has been carried out relatively slowly and non-uniformly for each major religion due to objective reason. Before 2004, that means prior to publishing the Ordinance on Beliefs and Religion, only 16 religious organizations have been recognized their status of juridical person, they mainly belong to 6 main religious, including: Vietnam Buddhist Sangha, Bishop Council represented for the Vietnam Catholic Church, the Protestant Church of Vietnam (northern region), the Protestant Church of Vietnam (Southern region), 10 Cao Đài branches, Hòa Hảo Buddhism, Representative Committee of the Islamic Community in Hồ Chí Minh City.

There are three characteristics of the process of recognition of juridical person for religious organizations in Vietnam at that time.

Firstly, Vietnam generally applied the way of “whole packet” recognition. It means that the State recognized the most typical group of each Church or denomination. For example, with the Vietnam Catholic Church, it was the recognition of Vietnam Council of bishops in 1980; for Buddhism, it was the recognition of Vietnam Buddhist Sangha in 1981. This recognition may not include all juridical attitude for so many groups which belong to those great religions such as orders, schools, associations, denominations, Buddhist families, etc.

Secondly, the period of time for recognition of religious organizations of the same motherly religion is sometime taking too long. For example, we need to consider the case of two Protestant organizations which all come from the Vietnam Protestant Church. This characteristic is mostly created by historical situation.

Thirdly, during the process of recognition of juridical person for religious organizations, there often appeared a combination of two juridical concepts: Juridical person and Physical person. For many religions in Vietnam, although they have not gained their juridical person, they still use their physical person for normal religious activities.

The perfection of the model of a secular state in Vietnam is taking place proactively in the renovation in religious policies from 1990 until the present. Although the model which gives favourable conditions for religious pluralism is chosen, in reality, before 2005,

the task of recognition of juridical person only “limited” within 6 main religions. In fact, with these 6 religions, Vietnam has not completed all legal perspectives such as the case of Protestantism with various denominations. Before 2005, tens of Protestant denominations mostly existed with physical person, except for the CMA. In order to pay the “legal debt” or, in other words, to perfect the secular state model as said above, the State must “respect” other religions.

The issuance of Directive No. 1 by the Government in early 2005 made a turning point in the process of perfecting the secular state model. The State can not only show its legal attitude via “packet solution” by step by step approving and then recognizing juridical person for all denominations of Protestantism (when they meet all legal requirements) but also indirectly suggest the recognition for a series of other religions. These are religions of “mini groups” or which are considered to be “marginal” in European or American legal discourses.

Until the present, a series of other religious groups have been recognized according to the said–above method under the direction of the Directive No. 1 (4/2/2005). They are denominations of Protestant family and religious groups mainly in the Southern region such as: Vietnam Christian Missionary, Church of Cơ Đốc Phục Lâm, Vietnam General Association of Baptism (Ân điển Nam Phương), Vietnam Buddhist Association of Pure Land, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bahai’i. The list can be longer with “special” titles of religious sects such as Tin Lành Ngũ Tuần (Pentecostal), Chứng nhân Giê Hô-va (Jehovah Witnesses), etc.

### **3. The Invariable of the Secular state Model**

Generally, building the secular state model at anywhere turns around three bases: the “separation” between the political power of the state and the religion; the respect for freedom of thought and religion, and the equality between different religions in legal aspect and social life.

Speaking in details, in the building of a secular state model, the relationship between the state and the church mainly depends on three fields; first, the recognition of juridical person for religious groups; second, the use of religious properties for religious and social purposes; and third, the appearance of religious orders within the State power system.

The invariable of the secular state model mostly turns around those 3 fields. Herunder, I would like to propose some comments on the invariable in Vietnam.

#### **Common Provisions regarding Freedom to Religion and Belief**

The Decree 234 SL has especially shown the general provisions in Chapter 1: Ensuring the right to freedom of belief.

“Article 1:

- The Government ensures the right to freedom of belief and worship of its people. No one shall infringe that right. Every Vietnamese has the freedom to follow or not follow a religion”.

Afterwards, the concept of religious freedom was institutioned into a series of legal documents after the Consitution from Resolutions to Ordinance regarding religion. That was the right to freedom of religion and belief in 3 perspectives: following a religion (profess a faith), practising a faith and freely expressing a faith. In recent legal documents, the issues of religious conversion or religious changes have been considered.

Although the Decree has not been perfected, it includes provisions which reflect the principal relationship between the state and religious groups as in the Aricle 13:

“- The Government shall not interfere into religions’ internal affairs.

Regarding Catholicism, the religious relation between the Vietnam Catholic Church and the Vatican is the Catholicism’s internal affair” (Chapter IV: Relationship between the people government and religions).

### Provisions of Separation between Politics and Religion

With many countries, for a long time, provisions of Separation between Politics and Religion this is a difficult, complex and long standing affair.

France and the United States are typical examples for this process. Although the characteristics of non-religious and secular of a state had been affirmed right at the birth of the nation, in Declaration of Independence (1776), still we can read: “... that all men are created equal, that they are endowed by their Creator with certain unalienable Rights.” Thus, the political insitution of the United States still relies on spiritual and cultural values of Christianity. This also takes place in Vietnam’s neighbour nations. The Philipines makes a good example. It is said that the country chooses a quasi-secular state model. Its consitutions in 1935, 1973 showed the similar expressions to the United States’ Declaration of Independence, such as: “divine providence” or “the Almighty God”<sup>6</sup>.

In the case of France, the characteristics of non-religious and secular were presented more strictly. In the Declaration of Managing and Civil rights in 1786, the human rights are not originated from the God! The reason of this difference, is because the U.S. inherently has many religious sects, therefore, when speaking that the human rights are endowed by God that also means the God never suppliers power to any separate Congregation. On the contrary, in France, 1789, after the rejection of Nantes Resolution that forbade Protestantism, Catholic Church had monopolistic position in religion. If the

God was recognized being the author of the human rights, the Catholic Church was recognized having the right to demonstrate these rights, and through this ruling the civil morality, democratic spirit of the laws<sup>7</sup>. Afterwards, the French Constitution in 1953 affirmed clearly: “The State of France is a laic Republic”.

Separation of religion and politics in France was a long process, reflected social, class and religious struggles. According to opinion of J.P. Willaime, this process “is deeply stamped with French history and peculiarities”:

- First, from the French Revolution throughout the 19<sup>th</sup> and 20<sup>th</sup> centuries, the conflict between the Church and the State was always existing, creating profound, drawn-out division.

- Second, this separation is profound thoughtful with philosophic, political concept criticizing religion (freedom thought, rationalism, Marxism and Freemasonry<sup>8</sup>).

- Third, “the privatization of religion” happening in France was stronger than many European countries, that made people hesitating to speak about their own religion<sup>9</sup>.

Speaking about these things so that we can further affirm the important meaning of the Separation Law (1905) of France, for which the world expressed its concern, recognized its great contribution in the occasion of the 100<sup>th</sup> anniversary of the birth as well as the important milestone of building the secular State model.

Naturally, for societies in the East Asia and Southeast Asia, they have many different features. However, it is sure that, “the invariable” of the separation still manifests, although with different colors, degrees.

Professor M. Santamaria at the National University of Philippines didn’t hesitate to call the Secular State model in his country “the Quasi – Secular State”. On the basis of researching the description of the relationship between the State and religious organizations in the Constitution of 1935, 1973, especially the Constitution of 1986, on the one hand he affirms that the Constitution of his country still affirms the separation between the Church and the State, the prohibition of “establishing religion” by the State, as well as the affirmation of liberty to worship or “practicing” religion, on the other hand, he doesn’t also hesitate to criticize the “affection” for religion of this “Catholic Republic”.

The author finely judges the ambiguity of the Secular State model in Philippines: “If secularism is to be seen in absolute terms, that is, a state is either secular or not, then this clause clearly makes the Philippine not secular. If secularism is to be seen in relative terms, then the Philippines may be located in a position closer to the polar opposite of non-secularism”<sup>10</sup>.

In Vietnam, the matter is quite different.

As a country both belongs to the Southeast Asian region and belongs to the Northeast Asian region, it is deeply influenced by the square script Civilization of China, Vietnamese feudal states were always standing above religions and rather strange to the concept of having a State religion to serve as a support. On the other hand, the feudal states in Vietnam have the habit of sponsoring religions: supplying money for repairing, building pagodas, temples, even subsidizing “wages” to clergymen, especially those of Buddhism.

Therefore, the “separation” between religion and politics in Vietnam, in modern time (from 1945) recently is rather “easy”.

The describing way of the Laws of Vietnam at this point is that the State always proactively affirms its sponsorship even “help” on the basis of the laws, for all religions activities, especially attaches importance to the equality between different religions and the unity of nation – religion.

Article 15 of the Ordinance 234-SL of 1955 mentioned above:

**“Freedom of belief, freedom of worship is the people’s right. The Democratic Republic Administration always respects this right and helps the people to perform.”**

**Ordinance on Beliefs, Religion in 2004** of Vietnam has expressed more fully about the liberty to embrace religion, belief (distinguishing two communities “Citizens following belief, religion” and “citizens don’t follow any religions”); emphasized the all religions are equal before the laws; at the same time has got special clauses: “dignitaries, clergymen shall be responsible for regularly educating the followers in patriotism, performing their civil rights, obligations and consciousness of observing the Laws” (Article 2).

Provisions Ensure Harmony of Social space, Spiritual life, Freedom of thought and Religion

Political institution, ideology in Vietnam also have many points different from the friendly countries in the South-east Asian region, as for the harmony in the religious spiritual life of national size, Vietnam today inherits a precious heritage of the national tradition that is the tradition of Thee Religions (Buddhism, Taoism, Confucianism).

In executing the liberty to embrace religion, the separation of the Church from the State is a viewpoint that should be respected in all secular societies and the concern for peace, equity, freedom and the living quality also. If I don’t mistake what I remember, it’s sure that Sir William Penn, the creator of the theory of separating the Church from the State from the late 17<sup>th</sup> century, early 18<sup>th</sup> century had said that: basically because religion is an individual matter of man, so the government should have behavior to support all religions rather than support only one religion!

It can be said that in all documents related to religion law in Vietnam from 1945 until now, when dealing with general provisions, all are based on two principles: nation – religion unity and the equality between religions before the law strictly in accordance with the political experiences that President Hồ Chí Minh had instructed.

In fact, there were special cases in the past we have occasion to analyze. For instance, in case Vietnam under colonial time of French colonialism, there were documents expressing biased affection of the administration towards Catholicism, constraints on Protestantism, Buddhism and some other religions. Of course, we don't consider that there was the identity between the colonial administration and the Catholic Church in Vietnam. Moreover, we also realize that the Secular Republic – France - most strictly implement principles of the Separation Law (1905). Some French Governors of Indo-China such as De Lanessance who was a member of Freemasonry, also advocated a policy on building a colonial power machine by means of secular colonization...

Especially in the South of Vietnam for 21 years of division (1954-1975), Sài Gòn administration in spite of the First Republic or the Second Republic, all are based on the ideological foundation of Catholic society and has ambition of “Catholicization” of the South, Anti-communist policy was closely associated with suppressing, conquering other religions.

However, in the Constitution of Vietnam (1960) under Ngô Đình Diệm time, the Introduction of this Constitution might only be written as follows:

“Believing the everlasting life of Vietnamese Civilization, based on spiritualistic foundation that the whole people are responsible for promoting it.

Believing the transcendent value of man of which free, harmonic and full development in personal position or in collective life must be the purpose of all national activities.”

In direct provision on religion, this Constitution might only expressed: “All the people have rights to freedom of religion, freedom of practicing religion and preaching religion provided that the use of this right is not contrary to morals and fine customs.” (Article 17)<sup>11</sup>

Another important aspect: essentially the present Secular State in Vietnam is naturally based on an atheistic Marxist State. However, in our opinion, this non-religious Marxist attitude of the State turns out to be a condition for the State having an objective attitude equal with all religions, even in the condition of the strong tendency towards religious pluralism at present. Naturally this advantage must include objective favorable conditions that presently in Vietnam “the tendency that religion goes together with the nationality” still dominates, the role of nationalism still has significant position in the society, and on the other hand, in aspect of theology, extreme religious tendencies haven't been found appearing such as Fundamentalism, Conservatism<sup>12</sup>.



Many values of the invariables in the building of and perfecting the secular state model in Vietnam at the present, and in the context of national renovation, are vividly represented. Law on religion in Vietnam is heading to the pace of the building of the state with rule of law. Accordingly, in a near future, when a civil society is formed, a civil will for sure come into existence in Vietnam. At that time, the secular state model will be perfected in new perspectives.

#### **4. The Variables in the Secular state Model in Vietnam**

How much “Neutral” is the State?

In general, secular states must hold the objective and neutral attitude towards all religions, and at the same time create favorable conditions for them to integrate into, and contribute for, society. This can be found in the tradition of the relationship between the state and the church in Vietnam from 1945 until present. Of course, this attitude is far different from the tendency to interfere into internal affairs of religions.

In building the secular state model, another variable in Vietnam is that the State and also the community of non-religious people do not often have a “neutral” attitude towards religions as in the tradition of a laic secular institution.

In specific cases, the state not only protects juridical religious persons but also creates favorable conditions of spirituality, material, legal bases for religious organizations in construction or maintenance of worshipping establishments, education and training for dignitaries, and for other religious activities.

In Vietnam, religious economic activity, especially the taxation for religions are new issues. However, right in the Decree No. 234-SL in 1955, a regulation had been written:

“- Organizations of Religions with socio-economic and cultural characteristics shall be allowed to operate after asking for the authority’s permission and their programs and chapters are approved.

Those organizations are considered private organizations and protected by the law” (Article No. 8).

Especially, there had been articles regarding land and tax related to churches: “In order to ensure the worship of the people and help clergy, for the land on which a church, pagoda, or temple is allowed to use after land reform, the Government shall give priority and allow to pay tax at lower level” (Article No. 12).

## Can the Church and Clergymen Operate Patriotic Politics?

In the Catholic community of Vietnam, a patriotic organization of Vietnamese Catholic people named Vietnam Catholic Unity Committee appeared for more than 50 year ago. More than half a century has past for this catholic people's organization, in striving to plunge headlong into a dangerous place, to go together with the nation through the revolution stages, from the democratic national revolution to the drive of building the socialism at present. The role, the position of "Bridge", "Connecting line"... of this organization between the Catholic community in Vietnam Catholic Church and the State and the Society could be further analyzed.

However, recently, this paper writer still reads the following lines in the study of Claude Prudhomme and J.F.Zor. These two authors judge that: The establishment of the Catholic Unity Committee in Hanoi could be considered as a new stage of the Government's Control policy and aims at incorporating Catholicism into Vietnam Fatherland Front.<sup>13</sup>

Therefore, it is obvious that still existing a point of view unlike which of broad sections of Vietnamese people with religion or without religion. Moreover, the matter here is there is difference between the requirement of Canon laws and the viewpoint of the Vatican regarding "Clergymen, dignitaries are not allowed to interfere in secular political activities" and the concept of expressing patriotism in political, social activities of broad sections of the believers and dignitaries taking part in this Committee by virtue of a citizen and at the same time a Catholic believer.

According to the laws on religion and the Civil law, religious dignitaries also have the right to take part in administration of the State and society, have the right to stand for the National Assembly and run for the People's Council like all other citizens. Presently, there are 7 members of the National Assembly of Vietnam and 1.717 members of the People's Council at various levels that are religious dignitaries, representing for most of major religions in Vietnam.

There could be different point of view before this reality of the secular state model in Vietnam within the matter of separating religious and political power. Many scholars in Southeast Asian countries also speak about such dilemma.

Only in Vietnam, a traditional concept has been formed that political power of the State never hinders and conflicts with activities expressing social activeness, social agreement, even specific political activity with "patriotic political" character of religions that are merged into large mass-organizations, especially Vietnam Fatherland Front.

## 5. Conclusion

I want to propose early comments on characteristics of the secular state model in Vietnam as follow:

a. The secular state in Vietnam can be said to be a truly non – religious, atheist and Marxist state. This state actually relies on no religion. Moreover, it treats all religions equally with an objective attitude on the principals of protecting national unity, mantaining religious harmony, paying much attention to concensus between religions and the nation, between religions and the socialism. In the relationship with churches, the State often holds the position of a protector of law or the authority who gives favorable conditions for religions, for religious believers to execute their rights and obligations of citizenship and of religious people.

Although the state of Vietnam implements the popular principal of separation of the power of the state and the power of religious organizations it does not hold the “neutral” attitude in the way of laic neutral institution.

It should be also added that the secular state of Vietnam does not impose the atheism ideology on the whole society as well as in the relations with religious thoughts. In contrast, it is the proper Marxist thought of atheism creates an objective standpoint for the State to execute its role of unifying and harmonizing religions’ interests and nation benefit.

b. The most important issue in the selection of the secular state model is how to find out a suitable model for recognition of religious organizations. At initial steps, thanked to Hồ Chí Minh’s vision, the State of Vietnam had chosen the most suitable model. The legal reality of Vietnam, in last decades and especially in recent years, has proved the rightness of this model. From the fact that the recognition only focussed on religious organizations belong to 6 main religions, at the present, more religious organizations have been recognized. This helps to meet the objective needs of the changes in spiritual, religious life, and especially the trend of religious diversification in the current context of globalization of religion.

c. The State of Vietnam’s creative resolutions via laws in executing three big principals or three pillars of the theory on the secular state which is the big achievement of the human beings in last 200 years in dealing with the relationship between the state and the church have been agreed and supported by the society and also by religious communities. The State has always managed to create favorable conditions for people as well as religious dignitaries to proactively participate in patriotic political activities. Excellent representatives from religions are permitted to participate in elective organs, in Vietnam Fatherland Front like active members of every social class. All resolutions have been based on the rule of national unity, religious harmony and the high social concensus.

Are those above characteristics of the secular state model have contributed significantly for the Party and State's solutions for the religious issue in the past and at the present?

## Reference:

1. Regarding the topic of "secularization" and "modernity", see J. P. Wilaime, *Modernity et Religions*, Paris, 2006. Or works by Martin E. Marty and R. Scott Appleby.
2. See Đỗ Quang Hưng, *The Issue of Recognition of Religious Organizations – A Comparative Approach*, *Vietnam Social Sciences*, No. 50, May, 2007.
3. See J. Bauberot, *Laïcité et sécularisation dans crise de la modernité en Europe*, *La documentation Francaise*, No. 273, October, 1995.
4. F. Messner generalized in 3 secular state models as follows: model (1): concordat which reserved for the countries with religion hold the majority position. Model (2) reserved for religious diversity, the state selectively recognizes some religions and at the same time respects other religions. Model (3), concentrated on the neutral secular institution, of which the state doesn't "recognize" any religions, all religions must implement "secular principle" before the state (see: B. Basdevant-Gaudemet et Francis Messner. *Les origines historigres du Statut des Confessions religieuse dans les pays de l'Union Europeéne*. Paris, 1999). Especially the book: Francis Messner, P.H. Prélot, J. M Woehrling, *Traité de droit francais des religions*. Ed. Litec. Paris, 2003.
5. See Đỗ Quang Hưng, *The Issue of Recognition of Religious Organizations – A Comparative Approach*, *Ibid*.
6. Decree 234-SL dated 14/6/1955 issued by the President of the Democratic Republic of Vietnam on the religious issue, *Vietnam Gazette* in 1955.
7. See: M. Santamaria, *Philippines National University: The Quasi-Secular State: Examining the Problem of Religion in Philippine Law, Practice and Custom*. Paper at the International Conference: *Religion and Rule of Law: Beginning the conversation*, Hanoi, September 2006.
8. The Freemasonry: France *Maconnerie*, a secret organization in France from the 18<sup>th</sup> Century until now, having the anti-catholic tendency.
9. See: J. P. Willaime. *Religion and politics in France during the process of building Europe*, paper at the International conference: *Diversity of France – Vietnam religious life*, Hanoi, September /2007.
10. See: M. Santamaria, *Ibid*.
11. See: *Constitution of the Republic of Vietnam in 1960*, see *Public Forum Almanach 1960-1961*, Public Forum publishing house, Saigon, 1961.
12. See: Đỗ Quang Hưng. *Religious Freedom and Religious Freedom in Vietnam*. *Religious Studies Review*, No. 5, 2007.
13. See papers by these two authors in the book *The World Catholicism history*, Volume 13, Paris, 2002, p. 666. Đỗ Quang Hưng. *Vietnam communist people with the line of "going together with the Nation" and Vietnam Catholic unity committee*, printed in the summary record of scientific conference *Half a century Vietnamese Catholics going together with the Nation*, Religious Publishing House, Hanoi, 2005.

